

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG VỀ NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ ĐỢT 7 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng về Nghiệp vụ báo chí đợt 7 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 3835-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 09/8/2026 đến ngày 04/10/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Ngọc Ái	21.01.1987	Cần Thơ	Nữ	Kinh	093187004938	HBT/BD 007105	NVBC07/2026.01	
2	Chu Trang Anh	10.12.2002	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038302020486	HBT/BD 007106	NVBC07/2026.02	
3	Khổng Tuấn Anh	23.11.1988	Phú Thọ	Nam	Kinh	025088016560	HBT/BD 007107	NVBC07/2026.03	
4	Nguyễn Thị Phương Anh	27.6.1988	Hà Nội	Nữ	Kinh	001188000364	HBT/BD 007108	NVBC07/2026.04	
5	Nguyễn Đức Anh	06.10.1986	Hà Nội	Nam	Kinh	001086026866	HBT/BD 007109	NVBC07/2026.05	
6	Lò Văn Bun	26.9.1985	Sơn La	Nam	Thái	014085014916	HBT/BD 007110	NVBC07/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
7	Đỗ Duy Chiến	13.7.1979	An Giang	Nam	Kinh	091079000021	HBT/BD 007111	NVBC07/2026.07	
8	Nguyễn Bá Cường	15.02.1981	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038081005023	HBT/BD 007112	NVBC07/2026.08	
9	Hoàng Văn Cường	10.01.1989	Cao Bằng	Nam	Tày	004089008637	HBT/BD 007113	NVBC07/2026.09	
10	Nông Thị Diệp	24.3.1990	Cao Bằng	Nữ	Tày	004190010027	HBT/BD 007114	NVBC07/2026.10	
11	Trần Ý Dịu	22.01.1982	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	027182007587	HBT/BD 007115	NVBC07/2026.11	
12	Phương Đoàn	09.11.1987	Hà Nội	Nam	Kinh	001087009528	HBT/BD 007116	NVBC07/2026.12	
13	Lê Trường Giang	03.8.2001	Hà Nội	Nam	Kinh	001201006941	HBT/BD 007117	NVBC07/2026.13	
14	Đỗ Thu Hà	02.01.1980	Hà Nội	Nữ	Kinh	001180020637	HBT/BD 007118	NVBC07/2026.14	
15	Lê Ngọc Hân	13.11.1987	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	086187000185	HBT/BD 007119	NVBC07/2026.15	
16	Nguyễn Thị Minh Hạnh	04.9.2002	Nghệ An	Nữ	Kinh	040302018658	HBT/BD 007120	NVBC07/2026.16	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
17	Hoàng Thị Hiền	05.01.1990	Cao Bằng	Nữ	Tày	004190004799	HBT/BD 007121	NVBC07/2026.17	
18	Trần Trung Hiếu	05.5.1983	An Giang	Nam	Kinh	091083022845	HBT/BD 007122	NVBC07/2026.18	
19	Nguyễn Thị Thanh Hoa	07.12.1979	Hà Nội	Nữ	Kinh	001179027191	HBT/BD 007123	NVBC07/2026.19	
20	Trần Thị Diệu Hòa	14.01.1991	Cà Mau	Nữ	Kinh	096191000200	HBT/BD 007124	NVBC07/2026.20	
21	Nguyễn Ngọc Hòa	13.12.1977	Hải Phòng	Nam	Kinh	030077028343	HBT/BD 007125	NVBC07/2026.21	
22	Nguyễn Thị Vân Hồng	11.4.1977	Nghệ An	Nữ	Kinh	040177023361	HBT/BD 007126	NVBC07/2026.22	
23	Hoàng Quang Huy	07.10.2002	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	042202006497	HBT/BD 007127	NVBC07/2026.23	
24	Nguyễn Công Khanh	18.3.1991	Vĩnh Long	Nam	Kinh	086091012947	HBT/BD 007128	NVBC07/2026.24	
25	Quách Mạnh Khiêm	18.9.2002	Hà Nội	Nam	Kinh	001202019103	HBT/BD 007129	NVBC07/2026.25	
26	Nguyễn Thị Phương Lan	06.01.1997	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030197012164	HBT/BD 007130	NVBC07/2026.26	
27	Hoàng Thị Tuyết Lê	23.9.1980	Quảng Trị	Nữ	Kinh	044180010206	HBT/BD 007131	NVBC07/2026.27	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
28	Nguyễn Thị Kim Loan	15.8.1989	Gia Lai	Nữ	Kinh	052189000817	HBT/BD 007132	NVBC07/2026.28	
29	Alăng Lợi	03.6.1983	Đà Nẵng	Nữ	Cơ tu	049183004719	HBT/BD 007133	NVBC07/2026.29	
30	Lê Tiến Long	10.3.1969	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	042069000089	HBT/BD 007134	NVBC07/2026.30	
31	Vũ Xuân Mạnh	01.5.1978	Hải Phòng	Nam	Kinh	030078006664	HBT/BD 007135	NVBC07/2026.31	
32	Nguyễn Tự Minh	29.7.1976	Hà Nội	Nam	Kinh	001076001068	HBT/BD 007136	NVBC07/2026.32	
33	Đỗ Việt Nga	30.5.1977	Hà Nội	Nữ	Kinh	001177003659	HBT/BD 007137	NVBC07/2026.33	
34	Lưu Thị Ngân	07.6.1990	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034190016964	HBT/BD 007138	NVBC07/2026.34	
35	Nguyễn Huy Nghĩa	07.10.1999	Nghệ An	Nam	Kinh	040099020797	HBT/BD 007139	NVBC07/2026.35	
36	Trần Thị Bích Ngọc	24.8.1993	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034193004948	HBT/BD 007140	NVBC07/2026.36	
37	Nguyễn Thị Nguyệt	26.9.1981	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034181006145	HBT/BD 007141	NVBC07/2026.37	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
38	Đoàn Hồng Nhanh	10.01.2003	Cần Thơ	Nam	Kinh	093203002687	HBT/BD 007142	NVBC07/2026.38	
39	Trịnh Hồng Nhung	14.9.2001	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038301014272	HBT/BD 007143	NVBC07/2026.39	
40	Lê Minh Quang	26.3.1982	Quảng Ninh	Nam	Kinh	022082001459	HBT/BD 007144	NVBC07/2026.40	
41	Lê Phương Quyên	22.9.2003	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031303003355	HBT/BD 007145	NVBC07/2026.41	
42	Phạm Hồng Thái	18.12.1979	Hải Phòng	Nam	Kinh	030079001637	HBT/BD 007146	NVBC07/2026.42	
43	Nguyễn Hoàng Duy Thái	02.4.1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	024095000144	HBT/BD 007147	NVBC07/2026.43	
44	Uông Ngọc Thắng	20.5.1984	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038084029132	HBT/BD 007148	NVBC07/2026.44	
45	Đặng Đình Thiện	15.4.1974	Ninh Bình	Nam	Kinh	035074000007	HBT/BD 007149	NVBC07/2026.45	
46	Nguyễn Hữu Thịnh	26.12.1979	Hưng Yên	Nam	Kinh	033079011978	HBT/BD 007150	NVBC07/2026.46	
47	Hoàng Thị Thơm	02.4.1984	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030184001657	HBT/BD 007151	NVBC07/2026.47	
48	Dương Thị Ngọc Thu	21.8.1979	An Giang	Nữ	Kinh	089179018419	HBT/BD 007152	NVBC07/2026.48	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
49	Ngô Thị Bích Thuận	20.10.1975	Hà Nội	Nữ	Kinh	001175034886	HBT/BD 007153	NVBC07/2026.49	
50	Lê Thị Thúy	01.12.1991	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038191014806	HBT/BD 007154	NVBC07/2026.50	
51	Nguyễn Ngọc Thủy	18.8.1986	Điện Biên	Nữ	Kinh	011186000110	HBT/BD 007155	NVBC07/2026.51	
52	Lương Thị Thủy Tiên	16.10.1991	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038191047887	HBT/BD 007156	NVBC07/2026.52	
53	Hà Thủy Tiên	25.12.1996	Điện Biên	Nữ	Tày	011196005688	HBT/BD 007157	NVBC07/2026.53	
54	Lê Thị Quỳnh Trang	01.01.1991	Nghệ An	Nữ	Kinh	040191000123	HBT/BD 007158	NVBC07/2026.54	
55	Trần Thị Thu Trang	29.01.1987	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036187000148	HBT/BD 007159	NVBC07/2026.55	
56	Nguyễn Nho Trung	02.9.1979	Hà Nội	Nam	Kinh	001079028793	HBT/BD 007160	NVBC07/2026.56	
57	Nguyễn Anh Tú	30.8.1986	Hải Phòng	Nam	Kinh	031086001243	HBT/BD 007161	NVBC07/2026.57	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
58	Lâm Chanh Tuy	29.8.1973	Vĩnh Long	Nam	Khmer	086073000213	HBT/BD 007162	NVBC07/2026.58	
59	Bùi Trung Tuyền	07.02.1985	Hải Phòng	Nam	Kinh	031085013345	HBT/BD 007163	NVBC07/2026.59	
60	Nguyễn Thị Minh Tuyết	07.7.2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	019303000058	HBT/BD 007164	NVBC07/2026.60	
61	Hoàng Ngọc Vinh	27.02.1981	Phú Thọ	Nam	Mường	017081000020	HBT/BD 007165	NVBC07/2026.61	

Tổng số: 61 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang